**Phụ lục II**

**BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU ĐẠT TIÊU CHÍ "WO"**

**(sử dụng nguyên liệu thu mua trong nước, không có hóa đơn giá trị gia tăng)**

*(ban hành kèm theo Thông tư số …./2023/TT-BCT ngày … tháng … năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên Thương nhân: Công ty ……….. |  |  |  |  |  | Tiêu chí áp dụng: WO |
| Mã số thuế: …………… |  |  |  |  |  |  | Tên hàng hóa:  |  |  |
| Tờ khai hải quan xuất khẩu số: ………… |  |  |  |  |  | Mã HS của hàng hóa (6 số):  |
| Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:…………….. |  |  |  |  |  | Số lượng: ………..đơn vị tính |
| Người phụ trách thu mua (Tên, số định danh cá nhân (số CCCD)):……… |  |  |  |  | Trị giá (FOB): …………... USD |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Ngày tháng năm mua hàng | Người bán | Nguyên liệu thu mua trong nước | Ghi chú |
| Tên người bán | Địa chỉ | Số định danh cá nhân (số CCCD) và ngày cấp | Tên nguyên liệu | Mã HS | Nơi khai thác/đánh bắt/nuôi trồng | Số lượng và Đơn vị tính | Đơn giá | Tổng trị giá  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kết luận: Hàng hóa đáp ứng tiêu chí “WO”** |  |  |  |  |  |  |
| Công ty cam kết số liệu, thông tin khai báo trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu đã khai. |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  *….., ngày ... tháng ... năm 20…* |  |
|  |  |  |  |  |  |  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)* |  |
| *Ghi chú:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Mẫu Bảng kê khai này áp dụng trong trường hợp nguyên liệu được thu mua trong nước để sản xuất ra hàng hóa xuất khẩu nhưng không có hóa đơn giá trị gia tăng. |
| - Thương nhân nộp bản sao các chứng từ (đóng dấu sao y bản chính): Quy trình sản xuất hàng hóa, CCCD của người bán nguyên liệu; Giấy xác nhận của người bán nguyên liệu về vùng nuôi trồng, khai thác, số lượng và trị giá bán cho thương nhân (nếu có) để đối chiếu với thông tin kê khai. |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |